

THÀNH ĐOÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BCH ĐOÀN TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

Số: 29-QĐ/ĐTN-BTCKT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận danh hiệu “Tập thể tiên tiến làm theo lời Bác”
và “Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác” năm học 2020 – 2021

**BAN CHẤP HÀNH ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 23-QĐ/ĐTN-BTCKT ngày 10/8/2021 của Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế danh hiệu “Tập thể tiên tiến làm theo lời Bác” và “Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác” (sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét chọn danh hiệu “Tập thể tiên tiến làm theo lời Bác” và “Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác” ngày 17/10/2021;

Theo đề nghị của Ban Tổ chức – Kiểm tra Đoàn trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận **05** tập thể đạt danh hiệu “Tập thể tiên tiến làm theo lời Bác” và **754** cá nhân đạt danh hiệu “Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác” năm học 2020 - 2021 (danh sách đính kèm).

Điều 2. Văn phòng, Ban Tổ chức – Kiểm tra Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh và các tập thể, cá nhân có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VP.

TM. BAN CHẤP HÀNH ĐOÀN TRƯỜNG

BÍ THƯ



Huỳnh Phú Vinh

THÀNH ĐOÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BCH ĐOÀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH

Tập thể tiên tiến làm theo lời Bác năm học 2020 – 2021

*(Ban hành kèm Quyết định số 29-QĐ/ĐTN-BTCKT ngày 19/10/2021
của Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Công nghiệp
Thành phố Hồ Chí Minh)*

1. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Khoa Kỹ thuật Xây dựng;
2. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Khoa Quản trị kinh doanh;
3. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Khoa Tài chính – Ngân hàng;
4. Đội Văn nghệ Xung kích;
5. Câu lạc bộ Âm nhạc.

THÀNH ĐOÀN THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BCH ĐOÀN TRƯỞNG ĐH CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH

Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác năm học 2020 – 2021

(Ban hành kèm Quyết định số 29-QĐ/ĐTN-BTCKT ngày 19/10/2021 của Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Tiêu chuẩn Học tập:

STT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1.	Nguyễn Bùi Nhân Anh	19526031	Viện KHCN & QL Môi trường	
2.	Hồng Kim Hoàng Anh	19487021	Khoa Quản trị kinh doanh	
3.	Vũ Thi Hồng Anh	19442281	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
4.	Lê Lan Anh	19478391	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
5.	Lê Vũ Quốc Anh	19435771	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
6.	Trần Lâm Tuyết Anh	20015661	Khoa Thương mại và Du lịch	
7.	Nguyễn Lê Trâm Anh	18044391	Viện KHCN & QL Môi trường	
8.	Đặng Thị Vân Anh	19524181	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
9.	Trần Thị Vân Anh	17059811	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
10.	Lê Thị Ngọc Ánh	19524451	Khoa Thương mại và Du lịch	
11.	Nguyễn Thị Ánh	18050751	Khoa Thương mại và Du lịch	
12.	Phan Huỳnh Khánh Bằng	19441591	Viện KHCN & QL Môi trường	
13.	Huỳnh Tấn Bảo	20076561	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
14.	Đinh Thị Thu Biên	19507341	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
15.	Ngô Thị Bích Châm	20001271	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	

16.	Trương Huỳnh Anh Châu	19520571	Khoa Thương mại và Du lịch	
17.	Dương Bảo Châu	19523191	Khoa Thương mại và Du lịch	
18.	Lê Ngọc Minh Châu	19481681	Viện KHCN & QL Môi trường	
19.	Lê Hùng Cường	19532161	Khoa Công nghệ Cơ khí	
20.	Nguyễn Hoàng Danh	19438251	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
21.	Phạm Thị Diễm	17068841	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
22.	Trần Thị Diệu	20009821	Khoa Thương mại và Du lịch	
23.	Lê Hoàng Du	19438791	Khoa Thương mại và Du lịch	
24.	Lê Thị Ngọc Dung	19479111	Khoa Quản trị kinh doanh	
25.	Nguyễn Hoàng Lê Dung	19497241	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
26.	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	19440751	Khoa Quản trị kinh doanh	
27.	Nguyễn Thị Kiều Duyên	20010351	Khoa Thương mại và Du lịch	
28.	Lê Thị Mỹ Duyên	20115591	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
29.	Trần Dật Đào	18056661	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
30.	Lê Thị Hoa Đào	19519591	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
31.	Lê Văn Đức	18094221	Viện KHCN & QL Môi trường	
32.	Lê Thị Ngọc Giàu	17062971	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
33.	Lê Minh Hạc	19503771	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
34.	Đỗ Lê Khánh Hải	20097161	Khoa Thương mại và Du lịch	
35.	Nguyễn Minh Hải	17098221	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
36.	Vũ Phan Minh Hải	19512011	Khoa Công nghệ Cơ khí	
37.	Lê Ngọc Hân	20089481	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
38.	Quảng Thị Ngọc Hân	20075711	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
39.	Nguyễn Thị Mỹ Hào	18085291	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
40.	Tôn Châu Hiền	17038841	Viện KHCN & QL Môi trường	
41.	Lê Hồ Diệu Hiền	18047931	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
42.	Nguyễn Thị Lệ Hiền	17038671	Khoa Thương mại và Du lịch	

43.	Tôn Minh Hiền	17039111	Viện KHCN & QL Môi trường	
44.	Trần Ngọc Hiệp	18037241	Khoa Quản trị kinh doanh	
45.	Nguyễn Minh Hiếu	19509961	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
46.	Phan Thị Hiếu	18091781	Khoa Quản trị kinh doanh	
47.	Đỗ Thị Huỳnh Hoa	17012751	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
48.	Trần Nguyễn Mai Hoa	20020471	Khoa Thương mại và Du lịch	
49.	Trần Thị Ngọc Huệ	19513981	Khoa Công nghệ Cơ khí	
50.	Bùi Mạnh Hùng	19476021	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
51.	Đặng Ngô Minh Hưng	19524271	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
52.	Nguyễn Ngọc Hưng	20065661	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
53.	Nguyễn Thanh Hưng	19435131	Khoa Công nghệ Cơ khí	
54.	Phùng Vĩnh Hưng	20048751	Khoa Thương mại và Du lịch	
55.	Vũ Thị Lan Hương	18060421	Khoa Thương mại và Du lịch	
56.	Nguyễn Thị Hương	17066701	Khoa Quản trị kinh doanh	
57.	Phạm Thị Thu Hương	17021791	Viện KHCN & QL Môi trường	
58.	Trương Thị Ngọc Huyền	20061631	Khoa Thương mại và Du lịch	
59.	Huỳnh Đăng Khoa	19450391	Khoa Quản trị kinh doanh	
60.	Trần Thị Kim Khoa	20027901	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
61.	Cao Văn Kiên	19487051	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
62.	Phạm Thuý Kiều	19467911	Khoa Thương mại và Du lịch	
63.	Đặng Thị Lạc	18083871	Viện KHCN & QL Môi trường	
64.	Đỗ Văn Lên	18091281	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
65.	Nguyễn Thị Diệu Linh	17069021	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
66.	Bùi Gia Linh	18031771	Khoa Quản trị kinh doanh	
67.	Bùi Hoàng Huế Linh	18064111	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
68.	Hồ Thị Mỹ Linh	18070171	Khoa Luật	
69.	Trần Thị Thùy Linh	18033251	Viện KHCN & QL Môi trường	

70.	Nguyễn Thị Trúc Linh	17062921	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
71.	Đào Xuân Linh	18068381	Khoa Công nghệ Điện	
72.	Phan Thị Loan	19438011	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
73.	Nguyễn Duy Luân	19430751	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
74.	Phan Thị Ly Ly	19515021	Khoa Thương mại và Du lịch	
75.	Huỳnh Thị Ngọc Mai	19499701	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
76.	Nguyễn Thị Huyền Minh	19441951	Khoa Quản trị kinh doanh	
77.	Nguyễn Xuân Hoài My	19475841	Khoa Quản trị kinh doanh	
78.	Đặng Thị Hồng My	19438081	Khoa Thương mại và Du lịch	
79.	Sa Thị Trà My	17021901	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
80.	Nguyễn Thị Cẩm Mỹ	17042021	Khoa Ngoại ngữ	
81.	Nguyễn Ngọc Mỹ	19487691	Khoa Quản trị kinh doanh	
82.	Châu Mai Quỳnh Nam	20096671	Khoa Thương mại và Du lịch	
83.	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	20047931	Khoa Thương mại và Du lịch	
84.	Nguyễn Thị Kim Ngân	19475551	Khoa Thương mại và Du lịch	
85.	Nguyễn Thị Kim Ngân	18057481	Viện KHCN & QL Môi trường	
86.	Lê Hiếu Ngân	19443971	Khoa Quản trị kinh doanh	
87.	Lê Nguyễn Thu Ngân	19442111	Khoa Thương mại và Du lịch	
88.	Lâm Yên Nghi	20101191	Khoa Ngoại ngữ	
89.	Lê Võ Trọng Nghĩa	20028421	Khoa Thương mại và Du lịch	
90.	Đỗ Thị Hồng Ngọc	18078111	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
91.	Tăng Đức Nguyên	19473341	Khoa Thương mại và Du lịch	
92.	Trần Tâm Nguyên	18058051	Khoa Quản trị kinh doanh	
93.	Phan Chí Nguyên	18040861	Khoa Quản trị kinh doanh	
94.	Phan Hoàng Ánh Nguyệt	18060481	Khoa Thương mại và Du lịch	
95.	Lê Thị Mỹ Nguyệt	18041241	Khoa Thương mại và Du lịch	
96.	Lê Quang Nhân	19491101	Khoa Công nghệ Động lực	

97.	Trần Ái Nhi	20095071	Khoa Thương mại và Du lịch	
98.	Nguyễn Thị Nhi	17099841	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
99.	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	20048051	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
100.	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	17070201	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
101.	Phan Thị Hồng Nhung	18082061	Khoa Thương mại và Du lịch	
102.	Trương Thị Hồng Nhung	19471951	Khoa Quản trị kinh doanh	
103.	Lê Thị Huỳnh Như	18070081	Khoa Quản trị kinh doanh	
104.	Nguyễn Thị Huỳnh Như	20044241	Khoa Thương mại và Du lịch	
105.	Nguyễn Thị Quỳnh Như	18059471	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
106.	Nguyễn Thị Quỳnh Như	20008951	Khoa Thương mại và Du lịch	
107.	Lê Thị Thu Như	17108481	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
108.	Nguyễn Hồng Nương	19429621	Viện KHCN & QL Môi trường	
109.	Nguyễn Thị Nương	18087351	Khoa Công nghệ Cơ khí	
110.	Nguyễn Đức Pháp	18068141	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	
111.	Lê Ngọc Tấn Phát	18051361	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
112.	Đoàn Thanh Phong	18065451	Khoa Quản trị kinh doanh	
113.	Phan Nguyễn Thành Phong	19493431	Khoa Thương mại và Du lịch	
114.	Nguyễn An Phúc	19532721	Khoa Công nghệ Cơ khí	
115.	Phan Nguyễn Mai Phương	19469121	Khoa Công nghệ thông tin	
116.	Nguyễn Nhật Phương	18091451	Khoa Thương mại và Du lịch	
117.	Lâm Bạch Bảo Phương	20013511	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
118.	Trần Thị Bích Phương	18056131	Khoa Thương mại và Du lịch	
119.	Sỹ Nguyễn Mỹ Phương	19481901	Khoa Quản trị kinh doanh	
120.	Nguyễn Thị Phương	19507891	Khoa Thương mại và Du lịch	
121.	Trần Đặng Duy Quang	18032501	Khoa Ngoại ngữ	
122.	Trịnh Minh Quốc	19472071	Khoa Công nghệ Cơ khí	
123.	Trần Thanh Quý	18037231	Khoa Công nghệ thông tin	



124.	Lê Thị Kiều Quyên	17012561	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
125.	Phạm Thanh Thúy Quyên	18076931	Khoa Thương mại và Du lịch	
126.	Đặng Quốc Quyền	18092741	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
127.	Trương Diễm Quỳnh	20033481	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
128.	Nguyễn Phạm Thúy Quỳnh	18026501	Khoa Quản trị kinh doanh	
129.	Nguyễn Việt Sơn	19523951	Khoa Công nghệ Cơ khí	
130.	Đỗ Kiến Tài	19534981	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
131.	Bùi Đình Thanh	18066861	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
132.	Trần Trung Thành	17059441	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
133.	Lê Thị Phương Thảo	19518251	Khoa Thương mại và Du lịch	
134.	Nguyễn Hồng Thắm	17102091	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
135.	Võ Hồng Thắm	18070061	Khoa Quản trị kinh doanh	
136.	Phạm Minh Thắng	19522111	Khoa Công nghệ Cơ khí	
137.	Nguyễn Minh Tân	20109601	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
138.	Nguyễn Thanh Tâm	18036871	Khoa Thương mại và Du lịch	
139.	Đỗ Lê Thịnh	18059421	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
140.	Đinh Quang Thịnh	19484811	Khoa Quản trị kinh doanh	
141.	Võ Thị Thu	18085991	Khoa Quản trị kinh doanh	
142.	Lê Hoài Anh Thư	19437741	Viện KHCN & QL Môi trường	
143.	Nguyễn Anh Thư	19479681	Khoa Thương mại và Du lịch	
144.	Thái Thị Anh Thư	20024171	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
145.	Võ Thị Thuận	19534601	Khoa Công nghệ Hoá học	
146.	Trần Thị Kim Thùy	18079401	Khoa Thương mại và Du lịch	
147.	Huỳnh Thị Thúy Thùy	18041081	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
148.	Đỗ Thanh Thủy	20005481	Khoa Thương mại và Du lịch	
149.	Lục Thị Thủy Tiên	18050771	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
150.	Phan Thị Thủy Tiên	18025351	Khoa Thương mại và Du lịch	

151.	Trần Thị Thủy Tiên	20011641	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
152.	Man Lê Việt Tiến	19487401	Khoa Thương mại và Du lịch	
153.	Nguyễn Thị Minh Tiên	18025291	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
154.	Lê Thị Kim Toàn	19525821	Khoa Thương mại và Du lịch	
155.	Nguyễn Thanh Toàn	19508601	Khoa Công nghệ Cơ khí	
156.	Lê Thị Thanh Trà	19434161	Khoa Công nghệ Hoá học	
157.	Ngô Thị Kiều Trang	19502191	Khoa Quản trị kinh doanh	
158.	Bùi Thị Huyền Trang	20122031	Khoa Công nghệ thông tin	
159.	Nguyễn Huyền Trang	19488181	Khoa Thương mại và Du lịch	
160.	Trịnh Thị Huyền Trang	18092501	Viện KHCN & QL Môi trường	
161.	Nguyễn Thị Mỹ Trang	19439531	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	
162.	Vũ Thảo Trang	17055871	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
163.	Triệu Thị Trang	17077151	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
164.	Lê Phạm Thủy Trang	17032131	Viện KHCN & QL Môi trường	
165.	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	19499521	Khoa Thương mại và Du lịch	
166.	Đào Bảo Trân	18024971	Khoa Quản trị kinh doanh	
167.	Lê Thị Mỹ Trâm	17050161	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
168.	Dương Thị Ngọc Trâm	18059721	Khoa Thương mại và Du lịch	
169.	Lê Cát Bảo Trân	19524961	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
170.	Nguyễn Thị Thủy Triều	19515811	Viện KHCN & QL Môi trường	
171.	Nguyễn Thị Diễm Trinh	20009231	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
172.	Lê Thị Kiều Trinh	18018771	Khoa Thương mại và Du lịch	
173.	Nguyễn Thị Mộng Trinh	17022661	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
174.	Lê Phương Trinh	19484861	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
175.	Nguyễn Vân Trinh	18096631	Viện KHCN & QL Môi trường	
176.	Phan Thị Quỳnh Trúc	19530251	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
177.	Trần Thanh Trúc	19459831	Khoa Thương mại và Du lịch	

178.	Lê Đình Trường	19459381	Khoa Quản trị kinh doanh	
179.	Bùi Nhật Trường	19631131	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
180.	Lê Quang Trường	19492861	Khoa Công nghệ Cơ khí	
181.	Phan Thị Thanh Tú	20018151	Khoa Thương mại và Du lịch	
182.	Lê Thị Bích Tuyền	20025461	Khoa Quản trị kinh doanh	
183.	Phan Vũ Bích Tuyền	19476731	Khoa Thương mại và Du lịch	
184.	Nguyễn Triệu Như Tuyền	17043091	Khoa Ngoại ngữ	
185.	Bùi Thị Tuyết	20040811	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
186.	Lê Thị Nhật Uyên	17081801	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
187.	Cao Thị Vân	18051951	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
188.	Dương Thị Vân	18081141	Khoa Quản trị kinh doanh	
189.	Trần Thị Thu Vân	17038481	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
190.	Ngô Thị Thùy Vân	19529511	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
191.	Nguyễn Văn Vàng	19432201	Viện KHCN & QL Môi trường	
192.	Nguyễn Thị Vi	19530211	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
193.	Trần Nguyễn Thúy Vi	19946581	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
194.	Nguyễn Trần Hữu Vinh	19536241	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
195.	Võ Hữu Vinh	19534851	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
196.	Trần Thị Vững	18101921	Viện KHCN & QL Môi trường	
197.	Trần Đặng Vương	20018111	Khoa Công nghệ Cơ khí	
198.	Nguyễn Huy Vương	19509211	Khoa Công nghệ Cơ khí	
199.	Trần Hoàng Lan Vy	17105111	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
200.	Đoàn Thanh Vy	18088521	Viện KHCN & QL Môi trường	
201.	Huỳnh Tiểu Vy	19469861	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
202.	Nguyễn Thị Thanh Xuân	19477781	Khoa Quản trị kinh doanh	

2. Tiêu chuẩn Nghiên cứu khoa học:

STT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1.	Nguyễn Thị Ngọc Ái	17034931	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
2.	Hà Bảo Anh	19442001	Khoa Công nghệ thông tin	
3.	Bùi Thị Kim Anh	17069601	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
4.	Trịnh Tiến Anh	17043371	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
5.	Nguyễn Ngọc Vân Anh	18053351	Khoa Công nghệ Hoá học	
6.	Trịnh Thị Bảo Bảo	19514491	Khoa Công nghệ thông tin	
7.	Dương Thành Gia Bảo	18090021	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
8.	Bùi Minh Chí	17064821	Khoa Công nghệ Cơ khí	
9.	Hồ Thị Phương Dung	17089241	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
10.	Nguyễn Đức Dũng	17039871	Khoa Công nghệ Cơ khí	
11.	Trương Bá Duy	17082511	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
12.	Nguyễn Thị Duyên	17064541	Khoa Quản trị kinh doanh	
13.	Trần Thị Duyên	17089121	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
14.	Bùi Ngọc Dương	17038571	Khoa Công nghệ Cơ khí	
15.	Huỳnh Thị Trang Đài	18065251	Khoa Công nghệ thông tin	
16.	Trần Thị Kim Đạt	18064211	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
17.	Nguyễn Hữu Đạt	17034711	Khoa Công nghệ Cơ khí	
18.	Trần Viết Quốc Đạt	18051381	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
19.	Lê Hoàng Thành Đạt	18071151	Khoa Công nghệ thông tin	
20.	Nguyễn Văn Đô	17046321	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
21.	Nguyễn Ngọc Hân	18053851	Khoa Công nghệ Hoá học	
22.	Lê Thị Hòa Hiền	17049361	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
23.	Nguyễn Thị Thanh Hòa	19429041	Khoa Công nghệ thông tin	
24.	Đàng Nữ Hoàng Hôn	18055851	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	

25.	Vũ Thị Thúy Hồng	18037941	Khoa Công nghệ Hoá học	
26.	Nguyễn Tấn Huy	17043561	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
27.	Nguyễn Văn Khánh	18047711	Khoa Quản trị kinh doanh	
28.	Lê Tuấn Kiệt	17066651	Khoa Công nghệ Cơ khí	
29.	Trần Thị Thanh Lan	18089951	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
30.	Lê Thị Hoài Linh	17062521	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
31.	Lê Thị Mỹ Linh	18084561	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
32.	Nguyễn Trần Phương Linh	17080521	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
33.	Lê Thùy Linh	15273	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
34.	Trần Thị Linh	18087011	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
35.	Nguyễn Tấn Lợi	17021711	Khoa Quản trị kinh doanh	
36.	Cao Hoàng Long	17046571	Khoa Công nghệ Cơ khí	
37.	Nguyễn Văn Luận	17108921	Khoa Công nghệ Cơ khí	
38.	Lai Văn Mẫn	17031241	Khoa Công nghệ Cơ khí	
39.	Võ Thị Trà My	18091221	Khoa Quản trị kinh doanh	
40.	Nguyễn Hoàng Nam	17025571	Khoa Công nghệ Cơ khí	
41.	Nguyễn Kim Ngân	18029721	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
42.	Nguyễn Văn Nghĩa	17061951	Khoa Quản trị kinh doanh	
43.	Lê Thị Hồng Ngọc	17105121	Khoa Thương mại và Du lịch	
44.	Trương Minh Ngọc	17085191	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
45.	Tổng Khánh Nguyên	17014441	Khoa Công nghệ Cơ khí	
46.	Trần Thị Thảo Nguyên	18090661	Khoa Ngoại ngữ	
47.	Trần Thiện Nguyên	18044331	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
48.	Lê Thanh Nguyên	17040701	Khoa Công nghệ Cơ khí	
49.	Trương Thị Nhẫn	17098141	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
50.	Nguyễn Thị Thanh Nhạn	17088141	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
51.	Nguyễn Minh Nhật	17033921	Khoa Công nghệ Cơ khí	

52.	Trần Hoàng Thảo Nhi	18071321	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
53.	Phạm Hồng Nhung	17075001	Viện KHCN & QL Môi trường	
54.	Võ Thị Tuyết Nhung	18075321	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
55.	Vũ Thị Tuyết Nhung	17065921	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
56.	Nguyễn Văn Phòng	17045211	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
57.	Nguyễn Hồ Hồng Phúc	17033131	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
58.	Trần Thị Mai Phương	18083791	Khoa Ngoại ngữ	
59.	Trần Thị Như Phương	17082321	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
60.	Nguyễn Trọng Anh Quân	18054661	Khoa Quản trị kinh doanh	
61.	Nguyễn Thị Quyên	17070971	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
62.	Lê Xuân Quỳnh	17096121	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
63.	Nguyễn Văn Sỹ	17060751	Khoa Công nghệ Cơ khí	
64.	Võ Tấn Tài	18041831	Khoa Công nghệ Cơ khí	
65.	Trần Nguyễn Minh Tâm	17016381	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
66.	Đỗ Văn Thắng	19469481	Khoa Công nghệ thông tin	
67.	Nguyễn Thị Uyên Thanh	18040091	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
68.	Lê Thị Thanh Thảo	17063041	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
69.	Đặng Thị Lệ Thi	17082011	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
70.	Nguyễn Thị Hoài Thu	17102881	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
71.	Lê Thị Thanh Thủy	17049251	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
72.	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	17056261	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
73.	Nguyễn Thị Thủy Tiên	17020821	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
74.	Vương Thị Thuỷ Tiên	17095421	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
75.	Lê Thị Bảo Trân	18065141	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
76.	Nguyễn Ngọc Trân	17104161	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
77.	Nguyễn Thị Minh Trang	17048171	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
78.	Trần Tiến Trọng	17038851	Khoa Ngoại ngữ	

79.	Lê Thị Thanh Trúc	18048311	Khoa Công nghệ Hoá học	
80.	Nguyễn Bá Tuấn	17045311	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
81.	Phan Thị Ngọc Tuyền	17013961	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
82.	Trịnh Thị Ánh Tuyết	17033541	Viện KHCN & QL Môi trường	
83.	Lê Cát Tường	17036171	Khoa Công nghệ Cơ khí	
84.	Phạm Thị Phương Uyên	17081761	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
85.	Hoàng Nguyễn Tường Vi	18036831	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
86.	Nguyễn Thị Thúy Vy	17033011	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
87.	Nguyễn Thị Kim Xuyên	17019131	Viện KHCN & QL Môi trường	
88.	Tôn Thị Hồng Yến	17087451	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	

3. Tiêu chuẩn Cán bộ Đoàn – Hội:

STT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1.	Bùi Trần Thúy Ái	18079371	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
2.	Đặng Thị Thu Am	20022241	Viện KHCN & QL Môi trường	
3.	Trần Trường An	17036581	Khoa Công nghệ Điện	
4.	Nguyễn Thị Lan Anh	18092961	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
5.	Lê Hoàng Gia Bảo	18080281	Khoa Ngoại ngữ	
6.	Nguyễn Ngọc Bảo	19471771	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
7.	Bùi Trần Xuân Bảo	20064551	Khoa Công nghệ Động lực	
8.	Bùi Tiến Bắc	17045521	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
9.	Đỗ Xuân Công	18090491	Viện KHCN & QL Môi trường	
10.	Vũ Văn Cường	19486521	Khoa Công nghệ thông tin	
11.	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	18059691	Khoa Thương mại và Du lịch	
12.	Lê Nguyễn Tấn Dũng	20079621	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
13.	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	18062261	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	

14.	Nguyễn Hồng Đan	19503831	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
15.	Lê Thị Đông Đào	20016681	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
16.	Trương Tấn Đạt	18074201	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
17.	Phạm Văn Định	18092391	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
18.	Nguyễn Văn Đức	18039151	Khoa Công nghệ thông tin	
19.	Lê Thị Hà	18064761	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
20.	Hoàng Thị Thu Hà	18076251	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
21.	Huỳnh Bá Hào	20049911	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
22.	Nguyễn Thị Kim Hiếu	19440151	Khoa Quản trị kinh doanh	
23.	Nguyễn Thị Hoa	19472601	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
24.	Trần Quang Hòa	18046691	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
25.	Đỗ Thị Thúy Hồng	18064721	Khoa Luật	
26.	Đoàn Nguyễn Duy Huy	19475521	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
27.	Đoàn Hồ Gia Huy	19527811	Khoa Luật	
28.	Trần Lê Diệp Huỳnh	18037351	Khoa Ngoại ngữ	
29.	Huỳnh Đức Hưng	19523401	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
30.	Dương Tuấn Hưng	18085091	Khoa Luật	
31.	Lê Trần Minh Hương	19494521	Khoa Ngoại ngữ	
32.	Trần Thị Thu Hường	19508971	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
33.	Trương Văn Khải	18092361	Khoa Công nghệ Điện	
34.	Huỳnh An Khang	19486971	Khoa Ngoại ngữ	
35.	Phạm Võ Xuân Khang	17026041	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
36.	Võ Trọng Khanh	18036251	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	
37.	Nguyễn Phụng Kiều	18035571	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
38.	Nguyễn Thị Phụng Kiều	18042081	Khoa Quản trị kinh doanh	
39.	Võ Thị Thanh Lam	19501761	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
40.	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	20041171	Khoa Công nghệ May - Thời trang	

41.	Nguyễn Giao Linh	20015451	Khoa Thương mại và Du lịch	
42.	Nguyễn Khánh Linh	17050191	Khoa Ngoại ngữ	
43.	Nguyễn Thị Thùy Linh	19435441	Viện KHCN & QL Môi trường	
44.	Ngô Đình Luật	17008671	Khoa Công nghệ Động lực	
45.	Trần Thị Trúc Ly	19441991	Viện KHCN & QL Môi trường	
46.	Lê Thị Mai	20088731	Khoa Ngoại ngữ	
47.	Trần Thị Tuyết Mai	18076861	Khoa Thương mại và Du lịch	
48.	Nguyễn Ái My	19431891	Viện KHCN & QL Môi trường	
49.	Nguyễn Thị Xuân My	18027931	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
50.	Cao Thị Mỹ	18062001	Khoa Quản trị kinh doanh	
51.	Cao Duy Nam	19433181	Viện KHCN & QL Môi trường	
52.	Vũ Trần Hồng Ngân	19521651	Khoa Luật	
53.	Phạm Thanh Ngân	18030531	Khoa Công nghệ Điện	
54.	Đặng Bảo Ngân	19478961	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
55.	Nguyễn Thị Kim Ngân	18085431	Khoa Quản trị kinh doanh	
56.	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	18060981	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	
57.	Đặng Dũng Nghĩa	18079851	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	
58.	Đỗ Văn Nghĩa	20027771	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
59.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20074641	Khoa Luật	
60.	Đặng Mai Khánh Ngọc	19436891	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
61.	Phạm Thái Ngọc	19433391	Viện KHCN & QL Môi trường	
62.	Nguyễn Thảo Nguyên	18084931	Khoa Quản trị kinh doanh	
63.	Nguyễn Trần Nguyên	19446411	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
64.	Hồ Thị Kiều Nhanh	19479131	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
65.	Lê Thị Hoài Nhi	20064491	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
66.	Nguyễn Hồ Minh Nhật	17064071	Khoa Công nghệ thông tin	
67.	Nguyễn Thị Yến Nhi	18035661	Khoa Thương mại và Du lịch	

68.	Phan Trần Xuân Nhi	18085821	Viện KHCN & QL Môi trường	
69.	Đặng Nguyễn Quỳnh Như	18083321	Khoa Công nghệ thông tin	
70.	Huỳnh Thị Thiện Như	19482961	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
71.	Nguyễn Tấn Phát	18093851	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
72.	Kim Ngọc Phong	19435141	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
73.	Nguyễn Thanh Phong	20023121	Khoa Thương mại và Du lịch	
74.	Phan Trần Phú	18063541	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
75.	Phạm Tấn Phúc	18032671	Khoa Công nghệ Điện	
76.	Nguyễn Thị Kim Phụng	19490161	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
77.	Đỗ Thị Phụng	18064961	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
78.	Âu Dương Quang	19500011	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
79.	Đoàn Văn Minh Quang	18037451	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
80.	Đoàn Thị Ngọc Quyên	19471781	Khoa Thương mại và Du lịch	
81.	Lê Thị Như Quỳnh	18087121	Khoa Quản trị kinh doanh	
82.	Nguyễn Hoàng Tân	19527221	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
83.	Nguyễn Thái Tân	18068301	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
84.	Trần Quốc Tấn	17036591	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
85.	Trần Hùng Thái	18046861	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
86.	Nguyễn Duy Thanh	20063761	Khoa Ngoại ngữ	
87.	Nguyễn Công Chí Thảo	19439921	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
88.	Nguyễn Thị Thanh Thảo	19429371	Khoa Công nghệ Hoá học	
89.	Nguyễn Xuân Thắng	19477471	Khoa Luật	
90.	Phạm Thị Minh Thư	18030731	Khoa Thương mại và Du lịch	
91.	Trương Lý Hàn Thương	20025891	Viện KHCN & QL Môi trường	
92.	Hồ Ngọc Thanh Hoài Thương	19527431	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
93.	Nguyễn Hoàng Nhật Thủy	18037361	Khoa Luật	
94.	Nguyễn Văn Tiến	18067011	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	

CỘNG
HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

95.	Trần Minh Toàn	20080041	Khoa Thương mại và Du lịch	
96.	Trần Thị Huyền Trang	19527311	Khoa Thương mại và Du lịch	
97.	Lê Thị Phương Trang	20094291	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
98.	Nguyễn Thạch Yến Trang	20089331	Khoa Thương mại và Du lịch	
99.	Nguyễn Minh Trí	20115221	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
100.	Trần Thanh Triều	19521031	Khoa Công nghệ Cơ khí	
101.	Võ Văn Trình	18038531	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	
102.	Hồ Văn Trọng	18077191	Khoa Công nghệ thông tin	
103.	Phạm Nguyễn Thanh Trúc	19523911	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
104.	Nguyễn Nhật Trường	18059821	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
105.	Vương Khánh Tuấn	20069311	Khoa Ngoại ngữ	
106.	Nguyễn Anh Tuấn	19488441	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
107.	Phạm Thị Vân	19478301	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
108.	Nguyễn Trần Hà Vy	18087851	Viện KHCN & QL Môi trường	
109.	Lê Thị Xuân Yến	18024601	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	

4. Tiêu chuẩn Hoạt động Tình nguyện:

STT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1.	Phan Hoài An	20012781	Khoa Công nghệ thông tin	
2.	Trần Xuân An	19477771	Khoa Ngoại ngữ	
3.	Nguyễn Hiếu Ân	19448871	Khoa Công nghệ Động lực	
4.	Nguyễn Nhật Ân	19454511	Khoa Quản trị kinh doanh	
5.	Nguyễn Thị Lan Anh	20115121	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
6.	Nguyễn Ngọc Anh	19438061	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
7.	Trần Thị Quế Anh	20006651	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
8.	Lê Ngọc Anh	19476721	Khoa Thương mại và Du lịch	

9.	Dương Tùng Bách	17037231	Khoa Công nghệ Hoá học	
10.	Nguyễn Thị Bình	18085761	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
11.	Lê Thanh Bình	18058891	Khoa Công nghệ Điện tử	
12.	Lê Ngọc Cẩm	19478991	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
13.	Trần Thanh Chiêu	20078301	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
14.	Chế Thị Kim Cúc	19508501	Khoa Thương mại và Du lịch	
15.	Phạm Việt Cường	20053061	Khoa Công nghệ Điện	
16.	Lê Quốc Danh	19496251	Khoa Quản trị kinh doanh	
17.	Trần Thị Huyền Diệu	19473651	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
18.	Nguyễn Việt Dũng	18080901	Khoa Luật	
19.	Trần Bảo Duy	20004441	Khoa Thương mại và Du lịch	
20.	Phạm Nguyễn Tấn Duy	19523101	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
21.	Trần Hữu Duy	17051451	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
22.	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20058881	Khoa Thương mại và Du lịch	
23.	Nguyễn Tiến Đại	20039141	Khoa Công nghệ Cơ khí	
24.	Nguyễn Văn Đạt	19443791	Viện KHCN & QL Môi trường	
25.	Lê Hải Đăng	19455931	Khoa Công nghệ Động lực	
26.	Phan Văn Định	18004331	Khoa Công nghệ Cơ khí	
27.	Trần Ngọc Đoàn	20080771	Khoa Công nghệ Điện	
28.	Đặng Đình Đức	19429531	Khoa Công nghệ Hoá học	
29.	Vũ Hữu Đức	18090921	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
30.	Tôn Hoàng Gia	19523141	Khoa Luật	
31.	Kim Thị Bé Hai	17073271	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
32.	Võ Thị Hạnh	19492391	Khoa Thương mại và Du lịch	
33.	Phùng Thị Hằng	18065791	Khoa Công nghệ thông tin	
34.	Phạm Ngọc Hậu	18060711	Khoa Công nghệ Cơ khí	
35.	Đoàn Thị Thanh Hiền	19465031	Khoa Quản trị kinh doanh	



36.	Hà Thị Thanh Hiền	19482411	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
37.	Nguyễn Thị Hiệp	17041181	Khoa Công nghệ thông tin	
38.	Lê Trung Hiếu	19439931	Viện KHCN & QL Môi trường	
39.	Trần Ngọc Hiếu	18024611	Khoa Quản trị kinh doanh	
40.	Nguyễn Sỹ Hoàng	20078871	Khoa Thương mại và Du lịch	
41.	Đào Thị Hồng	18036181	Khoa Quản trị kinh doanh	
42.	Phạm Văn Hùng	19505481	Khoa Thương mại và Du lịch	
43.	Trần Gia Huy	18047551	Khoa Ngoại ngữ	
44.	Nguyễn Minh Huy	20024671	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
45.	Trần Hoàng Huy	18043171	Khoa Thương mại và Du lịch	
46.	Nguyễn Đức Nhật Huy	20073471	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
47.	Nguyễn Hoàng Gia Huy	17048321	Khoa Công nghệ thông tin	
48.	Đỗ Minh Huyền	17107941	Khoa Thương mại và Du lịch	
49.	Đỗ Văn Kha	18049461	Khoa Công nghệ Điện tử	
50.	Đặng Văn Khải	18086511	Khoa Công nghệ Hoá học	
51.	Vũ Văn Khoa	19520561	Khoa Công nghệ Cơ khí	
52.	Huỳnh Thị Y Khoa	18091621	Khoa Luật	
53.	Nguyễn Gia Khôi	18064331	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
54.	Đoàn Trung Kiên	19431551	Khoa Công nghệ Điện tử	
55.	Võ Thị Thanh Lam	20082041	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
56.	Nguyễn Thị Kim Lành	19471331	Khoa Quản trị kinh doanh	
57.	Nguyễn Hoài Lâm	20010191	Khoa Công nghệ Điện	
58.	Nguyễn Thị Lê	20012011	Khoa Công nghệ thông tin	
59.	Huỳnh Chí Linh	20016421	Khoa Thương mại và Du lịch	
60.	Nguyễn Thị Khánh Linh	17061231	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
61.	Nguyễn Thị Mỹ Linh	19502491	Khoa Thương mại và Du lịch	
62.	Phương Thị Mỹ Linh	20077551	Khoa Thương mại và Du lịch	

63.	Nguyễn Ngọc Linh	18051501	Khoa Quản trị kinh doanh	
64.	Nguyễn Văn Ngọc Linh	19507451	Khoa Công nghệ Động lực	
65.	Mạc Phương Linh	18007081	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
66.	Trần Thiên Kim Long	18029131	Khoa Luật	
67.	Hồ Văn Luân	19526991	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
68.	Mai Xuân Lưu	19497131	Khoa Công nghệ Điện tử	
69.	Nguyễn Thị Kim Ly	18049671	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
70.	Lê Thị Ly	20038321	Khoa Thương mại và Du lịch	
71.	Nguyễn Khắc Mạnh	17094991	Khoa Công nghệ Điện	
72.	Trần Thị May	18019981	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
73.	Dương Thị Quỳnh Na	19523451	Khoa Thương mại và Du lịch	
74.	Nguyễn Ái Ngân	17028431	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
75.	Huỳnh Ngọc Kim Ngân	19465991	Khoa Quản trị kinh doanh	
76.	Võ Thúy Ngân	20012281	Khoa Thương mại và Du lịch	
77.	Nguyễn Công Tuấn Nghĩa	18033321	Khoa Ngoại ngữ	
78.	Lương Thảo Nguyên	20099571	Khoa Thương mại và Du lịch	
79.	Nguyễn Thị Thúy Nhân	19475511	Khoa Thương mại và Du lịch	
80.	Nguyễn Khắc Long Nhật	18052391	Khoa Công nghệ Nhiệt lạnh	
81.	Nguyễn Ngọc Tú Nhi	18075481	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
82.	Hồ Thị Tuyết Nhi	18035401	Khoa Công nghệ Hoá học	
83.	Lê Thị Yên Nhi	19498701	Khoa Thương mại và Du lịch	
84.	Nguyễn Thị Yên Nhi	18058921	Khoa Công nghệ Hoá học	
85.	Nguyễn Thị Oanh	18092851	Khoa Luật	
86.	Nguyễn Thị Thu Oanh	20024051	Khoa Thương mại và Du lịch	
87.	Thiêm Thị Phương Phi	19457921	Viện KHCN & QL Môi trường	
88.	Phan Lưu Quý Phi	18030591	Khoa Quản trị kinh doanh	
89.	Nguyễn Tỷ Phú	20022491	Khoa Công nghệ Động lực	

90.	Trần Thị Phúc	18056801	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
91.	Nguyễn Võ Minh Phương	18082221	Khoa Ngoại ngữ	
92.	Nguyễn Thị Thu Phương	20096491	Khoa Luật	
93.	Phạm Đăng Quang	17045861	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
94.	Võ Thành Quang	19524971	Khoa Công nghệ thông tin	
95.	Huỳnh Kim Quý	17089861	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
96.	Phạm Thị Ngọc Quyền	19499551	Khoa Quản trị kinh doanh	
97.	Võ Hữu Sang	19479541	Viện KHCN & QL Môi trường	
98.	Huỳnh Thanh Sang	19437701	Khoa Thương mại và Du lịch	
99.	Nguyễn Thị Thu Sương	20084401	Khoa Thương mại và Du lịch	
100.	Đỗ Tấn Tài	20015651	Khoa Thương mại và Du lịch	
101.	Phạm Công Thành	20104771	Khoa Công nghệ Cơ khí	
102.	Lương Đăng Phương Thảo	18081961	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
103.	Nguyễn Quang Thăng	17053001	Khoa Công nghệ thông tin	
104.	Trần Thị Diệu Thiện	19490551	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
105.	Nguyễn Thị Thơ	19447521	Khoa Quản trị kinh doanh	
106.	Đoàn Thị Hồng Thu	18081181	Khoa Quản trị kinh doanh	
107.	Nguyễn Anh Thư	18030211	Khoa Công nghệ Hoá học	
108.	Nguyễn Anh Thư	18084441	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
109.	Đào Huỳnh Thương	20017111	Khoa Thương mại và Du lịch	
110.	Dương Thanh Thương	18079881	Khoa Công nghệ Điện	
111.	Nguyễn Văn Hàn Thuyên	19534861	Khoa Công nghệ Hoá học	
112.	Bùi Thị Thuý Tiên	19487451	Khoa Quản trị kinh doanh	
113.	Phạm Văn Tiến	19522191	Khoa Công nghệ Động lực	
114.	Nguyễn Ngọc Tín	19475801	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
115.	Lê Văn Toàn	18075801	Khoa Công nghệ thông tin	
116.	Trần Diệu Tố	17098631	Khoa Thương mại và Du lịch	



117.	Nguyễn Xuân Tới	20121411	Khoa Thương mại và Du lịch	
118.	Nguyễn Thị Thu Trang	19475051	Khoa Thương mại và Du lịch	
119.	Nguyễn Thị Kiều Trang	20100421	Khoa Thương mại và Du lịch	
120.	Dương Huyền Trang	18053051	Viện KHCN & QL Môi trường	
121.	Mai Thị Huyền Trang	20103461	Khoa Công nghệ Động lực	
122.	Nguyễn Thị Thùy Trang	20043661	Khoa Luật	
123.	Nguyễn Thị Thùy Trang	19441561	Khoa Quản trị kinh doanh	
124.	Nguyễn Thanh Bích Trâm	20018581	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
125.	Lê Thị Ngọc Trâm	18025591	Khoa Quản trị kinh doanh	
126.	Nguyễn Hà Ngọc Trâm	18056741	Khoa Ngoại ngữ	
127.	Văn Thanh Trâm	19431321	Khoa Thương mại và Du lịch	
128.	Phạm Diễm Trinh	19478611	Khoa Ngoại ngữ	
129.	Đinh Thị Kiều Trinh	18037691	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
130.	Lưu Kiều Trinh	20105491	Khoa Thương mại và Du lịch	
131.	Vũ Đức Trọng	18037611	Khoa Ngoại ngữ	
132.	Trần Thị Thanh Trúc	16081431	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
133.	Huỳnh Quang Trường	19519871	Khoa Công nghệ thông tin	
134.	Phạm Minh Tuấn	19455371	Khoa Công nghệ Cơ khí	
135.	Nguyễn Quốc Tuấn	20074341	Khoa Công nghệ Điện	
136.	Lê Thị Mỹ Tuyền	19461171	Khoa Công nghệ thông tin	
137.	Trâm Thu Tuyền	17040581	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
138.	Phan Lê ánh Tuyết	18031131	Khoa Quản trị kinh doanh	
139.	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	19455041	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
140.	Lê Huỳnh Tường Vi	19432471	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
141.	lê Quốc Việt	20111171	Khoa Công nghệ Điện tử	
142.	Trần Quang Vũ	16021021	Khoa Công nghệ Động lực	
143.	Nguyễn Bảo Vy	18073121	Khoa Công nghệ May - Thời trang	

144.	Trần Thúy Vy	17063031	Khoa Ngoại ngữ	
145.	Huỳnh Thị Như Ý	18048711	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
146.	Cao Hoàng Yến	17044231	Khoa Ngoại ngữ	

5. Tiêu chuẩn Văn hóa văn nghệ - Thể dục thể thao:

STT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1.	Nguyễn Thị Thúy An	20019071	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
2.	Nguyễn Lâm Phương Anh	20019641	Khoa Quản trị kinh doanh	
3.	Tiểu Hoàng Anh	20021261	Khoa Thương mại và Du lịch	
4.	Lâm Tuấn Anh	20013491	Khoa Luật	
5.	Nguyễn Văn Linh Bảo	20054611	Khoa Thương mại và Du lịch	
6.	Nguyễn Hoàng Quốc Bảo	19441811	Khoa Công nghệ Cơ khí	
7.	Hứa Thị Linh Chi	19512021	Khoa Công nghệ Hoá học	
8.	Hồ Văn Chí	19517081	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
9.	Hoàng An Chinh	19520541	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
10.	Nguyễn Thị Thanh Diệu	20023611	Khoa Quản trị kinh doanh	
11.	Nguyễn Khắc An Đạt	19514371	Khoa Quản trị kinh doanh	
12.	Đặng Quốc Đạt	19521841	Khoa Quản trị kinh doanh	
13.	Nguyễn Thành Đạt	20098471	Khoa Công nghệ Cơ khí	
14.	Phạm Văn Đạt	18049821	Viện KHCN & QL Môi trường	
15.	Nguyễn Thành Đăng	20008821	Khoa Công nghệ Động lực	
16.	Nguyễn Thành Tây Đô	20021081	Khoa Công nghệ Cơ khí	
17.	Phạm Khánh Đoan	20074731	Khoa Quản trị kinh doanh	
18.	Nguyễn Thị Mỹ Dung	20099631	Khoa Quản trị kinh doanh	
19.	Võ Trần Khánh Duy	18043031	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
20.	Trương Mỹ Duyên	20041921	Khoa Ngoại ngữ	

21.	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20034991	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
22.	Nguyễn Trần Xuân Giang	19468921	Khoa Ngoại ngữ	
23.	Nguyễn Lê Hoàng Hà	18082081	Khoa Công nghệ Cơ khí	
24.	Nguyễn Thị Ngọc Hà	19519261	Khoa Quản trị kinh doanh	
25.	Nguyễn Thị Ngọc Hân	18044881	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
26.	Tô Thị Mỹ Hằng	20014341	Khoa Quản trị kinh doanh	
27.	Nguyễn Thị Thu Hằng	17060171	Khoa Công nghệ Cơ khí	
28.	Nguyễn Thị Thuý Hằng	19475681	Khoa Ngoại ngữ	
29.	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	20034841	Khoa Quản trị kinh doanh	
30.	Hà Thị Hạnh Hào	20070431	Khoa Quản trị kinh doanh	
31.	Trần Anh Hậu	18051921	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
32.	Nguyễn Công Hậu	17026881	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
33.	Lê Thị Bích Hiệp	19502801	Khoa Quản trị kinh doanh	
34.	Võ Duy Hiếu	17054571	Khoa Công nghệ Cơ khí	
35.	Phạm Trung Hiếu	19501391	Khoa Công nghệ Cơ khí	
36.	Nguyễn Thành Hiếu	18026451	Khoa Công nghệ Cơ khí	
37.	Võ Văn Hiếu	19531031	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
38.	Huỳnh Thị Thanh Hòa	20028391	Khoa Quản trị kinh doanh	
39.	Lê thị Hoài	20078341	Khoa Công nghệ Cơ khí	
40.	Thân Quốc Hội	19492481	Khoa Công nghệ Cơ khí	
41.	Nguyễn Ngọc Hưng	20061011	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
42.	Phạm Tấn Hưng	19484481	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
43.	Bùi Gia Huy	19503531	Khoa Công nghệ Cơ khí	
44.	Trương Gia Huy	19454151	Khoa Công nghệ Cơ khí	
45.	Bùi quốc huy	20064111	Khoa Công nghệ Cơ khí	
46.	Huỳnh Quang Huy	19483201	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
47.	Trần Quang Huy	20023821	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	

48.	Lê Hoàng Kha	20043371	Khoa Ngoại ngữ	
49.	Bùi Vĩ Kha	20091611	Khoa Công nghệ Cơ khí	
50.	Bùi Văn Khánh	19436231	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
51.	Phạm Trung Kiên	19510341	Khoa Công nghệ Cơ khí	
52.	Nguyễn Trần Lâm	20016701	Khoa Công nghệ thông tin	
53.	Nguyễn Thị Lan	19502571	Khoa Quản trị kinh doanh	
54.	Đào Thanh Liêm	18068001	Khoa Quản trị kinh doanh	
55.	Vũ Thị Hồng Liên	20117391	Khoa Luật	
56.	Phạm Mỹ Linh	17024571	Khoa Công nghệ Cơ khí	
57.	Trần Nhật Linh	20043461	Khoa Công nghệ Cơ khí	
58.	Phạm Tiến Quang Linh	19515731	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
59.	Hoàng Thị Thùy Linh	18066501	Khoa Công nghệ May - Thời trang	
60.	Trần Thị Thuỳ Linh	17021021	Khoa Ngoại ngữ	
61.	Huỳnh Tân Lợi	19526051	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
62.	Phạm Bùi Bảo Long	18038051	Khoa Công nghệ Hoá học	
63.	Trần Bá Hoài Long	19472731	Khoa Công nghệ Cơ khí	
64.	Bùi Hồ Khánh Lu	20104281	Khoa Thương mại và Du lịch	
65.	Phạm Minh Luân	18022921	Khoa Công nghệ Động lực	
66.	Phan Thanh Trúc Ly	20029621	Khoa Quản trị kinh doanh	
67.	Lê Trần Sao Mai	19439781	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
68.	phạm nhật minh	20010441	Khoa Công nghệ Cơ khí	
69.	Lê Ly Na	18085221	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
70.	Nguyễn Hải Nam	19434601	Khoa Luật	
71.	Bùi Thúy Nga	19459871	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
72.	Lê Nguyễn Hàn Nghi	19521471	Khoa Quản trị kinh doanh	
73.	Nguyễn Ngọc Kim Nga	20103771	Khoa Công nghệ Cơ khí	
74.	Hồ Nguyễn Trọng Nghĩa	18058621	Khoa Công nghệ Cơ khí	

75.	Tăng Thị Như Ngọc	17083461	Khoa Thương mại và Du lịch	
76.	Lê Nguyễn Cao Nguyên	18047031	Khoa Quản trị kinh doanh	
77.	Nguyễn Chính Nguyên	20065361	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
78.	Nguyễn Thành Nhân	20035121	Khoa Công nghệ Cơ khí	
79.	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	19478701	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
80.	Phạm Thị Thảo Nhi	19513241	Khoa Quản trị kinh doanh	
81.	Ngô Thùy Nhi	20033961	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
82.	Trần thị Yến nhi	18021741	Khoa Công nghệ Cơ khí	
83.	Trần Lê Châu Nhuận	20003241	Khoa Công nghệ Cơ khí	
84.	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	19470461	Khoa Ngoại ngữ	
85.	Châu Đức Phát	19469201	Khoa Công nghệ Cơ khí	
86.	Nguyễn Tấn Phát	20008261	Khoa Thương mại và Du lịch	
87.	Nguyễn Quốc Phú	19436551	Khoa Công nghệ Cơ khí	
88.	Nguyễn Hoàng Phúc	20003171	Khoa Công nghệ Cơ khí	
89.	Cao Hữu Phúc	18035511	Khoa Công nghệ Cơ khí	
90.	Thái Tiến Phục	19486711	Khoa Công nghệ Cơ khí	
91.	Hà Thị Phương	18075631	Khoa Thương mại và Du lịch	
92.	trần duy quang	18065691	Khoa Công nghệ Cơ khí	
93.	Nguyễn Phú Quý	19433731	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
94.	Nguyễn Tạ Lan Quyên	20081501	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
95.	Cao Hoàng Lệ Quyên	20044861	Khoa Thương mại và Du lịch	
96.	Trịnh Thị Quỳnh	19517351	Khoa Công nghệ Cơ khí	
97.	Lê Thanh Sang	17015171	Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm	
98.	Phan Đình Tài	20034041	Khoa Luật	
99.	Lê Thái Tài	18091291	Khoa Công nghệ Cơ khí	
100.	Đỗ Lê Hoài Tâm	19491451	Khoa Công nghệ Cơ khí	
101.	Trần Thanh Tân	19468181	Khoa Công nghệ Cơ khí	

102.	Lê Bùi Trọng Tấn	19467671	Khoa Công nghệ Cơ khí	
103.	Đoàn Lê Duy Thái	19470211	Khoa Công nghệ Cơ khí	
104.	Nguyễn Ngọc Thái	19496931	Khoa Công nghệ Cơ khí	
105.	Nguyễn Quốc Thanh	19504981	Khoa Công nghệ Cơ khí	
106.	Nguyễn Thị Minh Thảo	18018981	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
107.	Trần Thanh Thảo	18036261	Khoa Ngoại ngữ	
108.	Tăng Phước Thông	19429461	Khoa Công nghệ Cơ khí	
109.	Lê Thị Anh Thư	19431101	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
110.	Trần Anh Thư	20008451	Khoa Quản trị kinh doanh	
111.	Trần Thị Anh Thư	18035411	Khoa Thương mại và Du lịch	
112.	Lâm Anh Thuận	19470281	Khoa Công nghệ Cơ khí	
113.	Bùi Thị Hoài Thương	20026941	Khoa Thương mại và Du lịch	
114.	Nguyễn Ngọc Kiều Thương	19496371	Khoa Luật	
115.	Võ Thị Ngọc Thùy	19486201	Khoa Công nghệ Cơ khí	
116.	Trần Mỹ Tiên	19453351	Khoa Quản trị kinh doanh	
117.	Huỳnh Hoàng Trúc Tiên	19470981	Khoa Công nghệ Cơ khí	
118.	Hồ Ngọc Bảo Trâm	20004201	Khoa Ngoại ngữ	
119.	Hồ Thị Thùy Trang	19497741	Khoa Công nghệ Cơ khí	
120.	Trương Đức Triết	20040941	Khoa Công nghệ Cơ khí	
121.	Nguyễn Đông Triều	19519661	Khoa Công nghệ Cơ khí	
122.	Hoàng Mai Trinh	19436611	Khoa Luật	
123.	Vương Đức Trung	18042071	Khoa Công nghệ Cơ khí	
124.	Phạm Quang Trường	19507521	Khoa Quản trị kinh doanh	
125.	Phạm Đoàn Văn Trường	18054751	Khoa Công nghệ Cơ khí	
126.	Trương Anh Tú	20029881	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
127.	Trần Đình Tuấn	20019141	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
128.	Tăng Xuân Tuấn	19518621	Khoa Công nghệ Cơ khí	

129.	Lê Thanh Tùng	19474701	Khoa Công nghệ Cơ khí	
130.	Nguyễn Thanh Tùng	20036631	Khoa Công nghệ Cơ khí	
131.	Hồ Tấn Hoàng Tuyên	20055161	Khoa Quản trị kinh doanh	
132.	Nguyễn Quang Tuyến	18099021	Khoa Công nghệ Cơ khí	
133.	Nguyễn Văn Mánh Út	19458111	Khoa Công nghệ Cơ khí	
134.	Nguyễn Thị Tú Uyên	19515131	Khoa Công nghệ Cơ khí	
135.	Mai Cẩm Vi	19528541	Khoa Quản trị kinh doanh	
136.	Trần Lê Thúy Vi	19512951	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
137.	Nguyễn Hoàng Tường Vi	18018291	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
138.	Nguyễn Nhất Việt	20042131	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
139.	Nguyễn Văn Vọng	18026581	Khoa Công nghệ Điện	
140.	Châu Thanh Vũ	20021821	Khoa Ngoại ngữ	
141.	Trịnh Nguyệt Vy	20041291	Viện KHCN & QL Môi trường	
142.	Lương Tường Vy	20091771	Khoa Quản trị kinh doanh	
143.	Nguyễn Phi Xa	19458211	Khoa Quản trị kinh doanh	
144.	Nguyễn Lê Thị Ý	18083141	Khoa Luật	

6. Tiêu chuẩn Vượt khó:

STT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1.	Nguyễn Phương Diễm	20002625	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
2.	Hồ Thị Lan	18085361	Khoa Công nghệ Hoá học	
3.	Nguyễn Phú Lợi	17029821	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	
4.	Cù Thị Cẩm Ly	19521291	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
5.	Trương Thị Cẩm Ly	19532211	Khoa Công nghệ thông tin	
6.	Phạm Thị Kiều Nhi	18067561	Khoa Công nghệ Hoá học	
7.	Lê Văn Truyền	18001555	Khoa Quản trị kinh doanh	

7. Tiêu chuẩn Hoạt động Hội nhập:

STT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1.	Trần Nhật An	18040611	Khoa Ngoại ngữ	
2.	Trần Thị Trúc Đan	20071021	Khoa Ngoại ngữ	
3.	Ngô Nhật Mỹ Kiều Duyên	17030661	Khoa Ngoại ngữ	
4.	Nguyễn Hồng Thục Duyên	20043631	Khoa Công nghệ Hoá học	
5.	Nguyễn Trần Hoàng Long	17047561	Khoa Công nghệ Cơ khí	
6.	Châu Hoàng Quang Mạnh	17026691	Khoa Ngoại ngữ	
7.	Phạm Trung Minh	20060291	Khoa Ngoại ngữ	
8.	Lâm Minh Nhật	17036731	Khoa Ngoại ngữ	
9.	Lê Khắc Quân	17023031	Khoa Ngoại ngữ	
10.	Ngô Thiên Quốc	18027571	Khoa Ngoại ngữ	
11.	Lê Thị Xuân Quyên	17022231	Khoa Ngoại ngữ	
12.	Tôn Thất Thiệu	18063151	Khoa Ngoại ngữ	
13.	Nguyễn Võ Quang Thịnh	17015471	Khoa Ngoại ngữ	
14.	Nguyễn Khả Thùy	17051551	Viện KHCN & QL Môi trường	
15.	Trần Thị Tường Vân	18078831	Khoa Ngoại ngữ	

8. Tiêu chuẩn Đảng viên sinh viên:

STT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1.	Phan Thành Đạt	17031001	Khoa Luật	
2.	Nguyễn Hoàng Duy	17062671	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
3.	Trần Duy Hưng	18041071	Khoa Thương mại và Du lịch	
4.	Phan Hữu Nghĩa	17050331	Khoa Ngoại ngữ	
5.	Nguyễn Duy Nhất	20038251	Khoa Thương mại và Du lịch	
6.	Lê Hoài Phú	17020081	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	

7.	Lê Hoàng Tấn	18091741	Khoa Ngoại ngữ	
8.	Trần Huỳnh Thịnh	17016621	Viện KHCN & QL Môi trường	
9.	Hà Thị Mỹ Thoa	18098371	Khoa Thương mại và Du lịch	
10.	Trần Thị Thử	19517281	Khoa Ngoại ngữ	
11.	Đỗ Thị Thủy Tiên	17067711	Khoa Thương mại và Du lịch	
12.	Đoàn Hữu Tuấn	20118771	Khoa Luật	

9. Tiêu chuẩn Công hiến:

STT	HỌ VÀ TÊN	MSNS	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1.	Nguyễn Quốc Cường	0199900204	Khoa Quản trị kinh doanh	
2.	Lê Thanh Hòa	01002006	Khoa Lý luận chính trị	
3.	Lê Văn Hoàng	01044006	Văn phòng Đoàn trường	
4.	Lê Thị Thùy Trang	01035018	Viện KHCN & QL Môi trường	

10. Tiêu chuẩn Chuyên môn (hành chính):

STT	HỌ VÀ TÊN	MSNS	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1.	Nguyễn Minh Tú Anh	01006005	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế	
2.	Nguyễn Thị Mỹ Linh	01003014	Phòng Tài chính – Kế toán	
3.	Nguyễn Xuân Mãi	01004009	Phòng Đào tạo	
4.	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	01044004	Trung tâm Thông tin – Truyền thông	
5.	Nguyễn Thị Mai Phương	01008002	Phòng Quản trị	
6.	Hồ Văn Thái	01006007	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế	
7.	Đỗ Thị Mai Trinh	0199900172	Phòng Đào tạo	
8.	Phạm Thị Ánh Tuyền	01003007	Phòng Tài chính – Kế toán	
9.	Huỳnh Phú Vinh	01044005	Trung tâm Thông tin – Truyền thông	



11. Tiêu chuẩn Chuyên môn (giảng dạy):

STT	HỌ VÀ TÊN	MSNS	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1.	Đoàn Thị Thùy Anh	0199900133	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
2.	Võ Tấn Châu	01040018	Khoa Công nghệ Động lực	
3.	Lưu Xuân Danh	01028018	Khoa Quản trị kinh doanh	
4.	Lê Nam Hải	01028016	Khoa Quản trị kinh doanh	
5.	Vũ Trọng Hiền	01029028	Khoa Tài chính - Ngân Hàng	
6.	Trần Ngọc Đăng Khoa	01021026	Khoa Công nghệ Cơ khí	
7.	Phạm Thị Lan	01023015	Khoa Lý luận chính trị	
8.	Lê Bá Long	01035009	Viện KHCN & QL Môi trường	
9.	Phạm Nguyễn Hoàng Nam	01036012	Khoa Công nghệ thông tin	
10.	Nguyễn Thị Trúc Ngân	01028022	Khoa Quản trị kinh doanh	
11.	Phạm Thị Hồng Ngọc	01028023	Khoa Quản trị kinh doanh	
12.	Nguyễn Quốc Nhất	0199900270	Khoa Kế toán - Kiểm toán	
13.	Đặng Hữu Phúc	0199900158	Khoa Khoa học cơ bản	
14.	Bùi Thị Ngọc Phương	01035011	Viện KHCN & QL Môi trường	
15.	Nguyễn Hữu Quang	01004005	Khoa Công nghệ thông tin	
16.	Lê Thanh Quang	01040020	Khoa Công nghệ Động lực	
17.	Trần Thu Thảo	01028024	Khoa Quản trị kinh doanh	
18.	Vũ Thị Thu Trang	01023011	Khoa Lý luận chính trị	



THÀNH ĐOÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BCH ĐOÀN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2021

PHỤ LỤC

Thống kê số lượng hồ sơ xét danh hiệu

**“Thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác” và “Tập thể tiên tiến làm theo lời Bác”
năm học 2020 – 2021**

(Đính kèm Quyết định số 29-QĐ/ĐTN-VP ngày 19/10/2021 của Ban Chấp hành
Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Thống kê số lượng hồ sơ:

STT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG HỒ SƠ ĐẠT
1.	Khoa Công nghệ Cơ khí	90
2.	Khoa Công nghệ Điện	12
3.	Khoa Công nghệ Điện tử	05
4.	Khoa Công nghệ Động lực	14
5.	Khoa Công nghệ Hóa học	19
6.	Khoa Công nghệ Nhiệt – Lạnh	08
7.	Khoa Công nghệ May – Thời trang	30
8.	Khoa Công nghệ thông tin	28
9.	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	57
10.	Khoa Luật	24
11.	Khoa Ngoại ngữ	48
12.	Khoa Quản trị kinh doanh	88
13.	Khoa Kế toán – Kiểm toán	50
14.	Khoa Tài chính – Ngân hàng	92
15.	Khoa Thương mại và Du lịch	102
16.	Viện CN Sinh học và Thực phẩm	28
17.	Viện KHCN & QL Môi trường	45
18.	Khoa Khoa học Cơ bản	01
19.	Khoa Lý luận chính trị	03
20.	Phòng Đào tạo	02
21.	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế	02
22.	Phòng Quản trị	01
23.	Phòng Tài chính – Kế toán	02
24.	Trung tâm Thông tin – Truyền thông	02
25.	Văn phòng Đoàn trường	01
TỔNG		754



2. Số lượng hồ sơ đạt theo từng tiêu chuẩn (khối sinh viên)

STT	ĐƠN VỊ	HỌC TẬP	NCKH	CÁN BỘ ĐOÀN – HỘI	TÌNH NGUYỆN	VHVN-TDĐT	VƯỢT KHÓ	HỘI NHẬP	ĐẢNG VIÊN SINH VIÊN
1.	Khoa Công nghệ Cơ khí	13	15	1	6	53	0	1	0
2.	Khoa Công nghệ Điện	1	0	4	6	1	0	0	0
3.	Khoa Công nghệ Điện tử	0	0	0	5	0	0	0	0
4.	Khoa Công nghệ Động lực	1	0	2	7	2	0	0	0
5.	Khoa Công nghệ Hóa học	2	4	1	7	2	2	1	0
6.	Khoa Công nghệ Nhiệt – Lạnh	2	0	5	1	0	0	0	0
7.	Khoa Công nghệ May – Thời trang	13	0	6	10	1	0	0	0
8.	Khoa Công nghệ thông tin	3	6	5	10	1	1	0	0
9.	Khoa Kỹ thuật Xây dựng	14	5	16	3	18	1	0	0
10.	Khoa Luật	1	0	7	7	7	0	0	2
11.	Khoa Ngoại ngữ	4	3	8	9	9	0	12	3
12.	Khoa Quản trị kinh doanh	28	6	6	16	25	1	0	0
13.	Khoa Kế toán – Kiểm toán	21	3	4	9	9	2	0	0
14.	Khoa Tài chính – Ngân hàng	27	35	20	4	3	0	0	2
15.	Khoa Thương mại và Du lịch	49	1	10	29	9	0	0	4
16.	Viện CN Sinh học và Thực phẩm	3	7	4	12	2	0	0	0
17.	Viện KHCN & QL Môi trường	20	3	10	5	2	0	1	1



3. Số lượng hồ sơ đạt theo từng tiêu chuẩn (khỏi viên chức)

STT	ĐƠN VỊ	CÔNG HIỆN	CHUYÊN MÔN HÀNH CHÍNH	CHUYÊN MÔN GIẢNG DẠY
1.	Khoa Công nghệ Cơ khí	0	0	1
2.	Khoa Công nghệ Động lực	0	0	2
3.	Khoa Công nghệ thông tin	0	0	2
4.	Khoa Quản trị kinh doanh	1	0	5
5.	Khoa Kế toán – Kiểm toán	0	0	2
6.	Khoa Tài chính – Ngân hàng	0	0	1
7.	Khoa Lý luận chính trị	1	0	2
8.	Khoa Khoa học Cơ bản	0	0	1
9.	Viện KHCN & QL Môi trường	1	0	2
10.	Phòng Đào tạo	0	2	0
11.	Phòng Quản trị	0	1	0
12.	Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế	0	2	0
13.	Phòng Tài chính – Kế toán	0	2	0
14.	Trung tâm Thông tin – Truyền thông	0	2	0
15.	Văn phòng Đoàn trường	1	0	0